

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2025/DS-ST**

Ngày 17 tháng 6 năm 2025

“Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân và ông Lý Tuấn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Hồ Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; Trụ sở: 128 đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật:

+ SOMYOT NGERNDAMRONG - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ KANOKWATPAISAL NAPAT - Giám đốc;

+ TEERAVIKAVEE KACHAPHAS - Giám đốc.

Số điện thoại liên hệ: 0939.250.752-0938.426.559

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Phương D, sinh năm: 1985; Địa chỉ: số C ấp T, thị trấn H, huyện C, An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 26/11/2024 của Công ty S) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1976. Cư trú: Số B, khóm N, phường M,

thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0947.385.051 (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây viết tắt Công ty S) do bà Cao Phương D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/6/2024 ông Nguyễn Quang T và chi nhánh A, Công ty S có ký hợp đồng thuê tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ.

Tài sản thuê: 01 xe mô tô hai bánh BKS 67AA-235.51, loại xe SH mode ABS màu đen, số khung RLHJF5160KZ128322, số máy JF87E5058660; Giá thuê: 46.956.245 đồng; thời hạn thuê là 12 tháng (từ 08/06/2024 - 08/06/2025); số tiền thuê mỗi tháng là 3.913.020 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn); phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho ông T và ông T sẽ trả số tiền thuê chiếc xe trên trong vòng 12 tháng, với số tiền thuê là 3.913.020 đồng mỗi tháng như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thuê, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng. Từ ngày 08/07/2024, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 159 ngày. Ông T không trả nợ và cũng không trả lại tài sản thuê. Tạm tính đến ngày 16/12/2024, ông T còn nợ số tiền thuê xe chưa trả là 36.380.537 đồng. Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông T nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông T trả lại tiền và tài sản là xe máy đã thuê nhưng ông T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả tiền thuê và trả lại tài sản thuê cho công ty.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2024, Công ty S yêu cầu ông NGuyễn Quang T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 67AA-235.51, loại xe: SH Mode ABS, số khung: RLHJF5160KZ128322, Số máy: JF87E5058660, theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký với công ty ngày 08/06/2024. Đồng thời, buộc ông T phải thanh toán ngay số tiền 36.380.537 đồng (tạm tính đến ngày 16/12/2024), bao gồm: Tiền thuê xe chưa trả: 32.146.846 đồng; P yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 1.661.943 đồng.

Tuy nhiên, ngày 16/6/2025, người đại diện theo ủy quyền của Công ty S là bà Cao Phương D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với các nội dung: rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Quang T phải trả lại chiếc xe mô tô; rút lại yêu cầu trả phí quản lý hồ sơ; rút lại yêu cầu trả phí mượn xe; rút lại yêu cầu trả phí phạt trễ hạn. Đồng thời, xác định lại yêu cầu khởi kiện: Công ty S yêu cầu ông T phải trả số tiền 32.461.679 đồng (tạm tính đến ngày 16/6/2025), trong đó: tiền gốc: 26.755.319 đồng; lãi trong hạn: 1,1% là 1.968.642 đồng; lãi quá hạn 150% lãi trong hạn: 3.737.718 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Quang T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 275; Điều 375; Điều 472; Điều 473; Điều 474; khoản 1 Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 có ngay. Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 32.461.679 đồng (tạm tính đến ngày 16/6/2025), trong đó: tiền gốc: 26.755.319 đồng; lãi trong hạn: 1.968.642 đồng; lãi quá hạn: 3.737.718 đồng. Đồng thời, ông T còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc ông T trả lại tài sản thuê là xe mô tô, yêu cầu trả phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe, phí phạt trễ hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn căn cứ vào hợp đồng cho thuê xe để yêu cầu bị đơn trả tiền thuê xe và lãi phát sinh do chậm thanh toán. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại hợp đồng cho thuê xe ngày 08/6/2024 ghi rõ địa chỉ của ông T và phiếu xác minh ngày 31/3/2025 của Công an phường M, thành phố L xác định: Nguyễn Quang T, sinh năm: 1976 có đăng ký thường trú tại số B khóm N, phường M, thành phố L, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với địa chỉ mà ông T đã cung cấp trong hợp đồng. Do đó căn cứ vào Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là phù hợp

với quy định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.4] Ngày 16/6/2025, người đại diện theo ủy quyền của Công ty S là bà Cao Phương D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với các nội dung: rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Quang T phải trả lại chiếc xe mô tô; rút lại yêu cầu trả phí quản lý hồ sơ; rút lại yêu cầu trả phí mượn xe; rút lại yêu cầu trả phí phạt trễ hạn. Hội đồng xét xử xác định việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[1.5] Bà Cao Phương D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S1 có ngay (theo giấy ủy quyền 1985/2024/UQ-SVN ngày 26/11/2024). Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà D tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào hợp đồng cho thuê xe ngày 08/6/2024 được xác lập giữa ông Nguyễn Quang T và Công ty S – chi nhánh A - C. Theo đó, Công ty đã thỏa thuận cho ông T thuê 01 xe mô tô hai bánh biển số 67AA-235.51, loại xe SH mode ABS màu đen, số khung RLHJF5160KZ128322, số máy JF87E5058660; tài sản này là thuộc sở hữu hợp pháp của bên cho thuê xe mua lại của ông T theo giấy bán xe ngày 08/6/2024. Ông T thuê lại xe trên với giá 46.956.245 đồng; thời hạn thuê 12 tháng (từ ngày 08/6/2024 đến ngày 08/6/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 3.913.020 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4% (trường hợp không thanh toán đúng hạn); phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8%/giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng vi phạm.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng từ ngày 08/7/2024 đến nay ông T không trả nợ và cũng không trả lại tài sản thuê. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại xe đã thuê, tiền thuê xe chưa thanh toán, phí yêu cầu thanh toán hàng tháng theo hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 16/6/2025, đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả tiền thuê xe chưa thanh toán còn lại 32.461.679 đồng (tạm tính đến ngày 16/6/2025), trong đó: tiền gốc: 26.755.319 đồng; lãi trong hạn: 1.968.642 đồng; lãi quá hạn: 3.737.718 đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu và tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi

văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật quy định. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận nên căn cứ theo quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 472 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là phù hợp do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 275; Điều 375; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay đối với ông Nguyễn Quang T.

[1] Buộc ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay tổng số tiền 32.461.679 đồng (*ba mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) (tạm tính đến ngày 16/6/2025), trong đó: tiền gốc: 26.755.319 đồng (*hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm mười chín đồng*); lãi trong hạn: 1.968.642 đồng (*một triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng*); lãi quá hạn: 3.737.718 đồng (*ba triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm mười tám đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc buộc ông Nguyễn Quang T trả lại tài sản thuê là xe mô tô, yêu cầu trả phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe, phí phạt trễ hạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang T phải chịu 1.623.000 đồng (*một triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S1 có ngay số tiền 1.209.000 đồng (*một triệu, hai trăm lẻ chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002065 ngày 08/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung